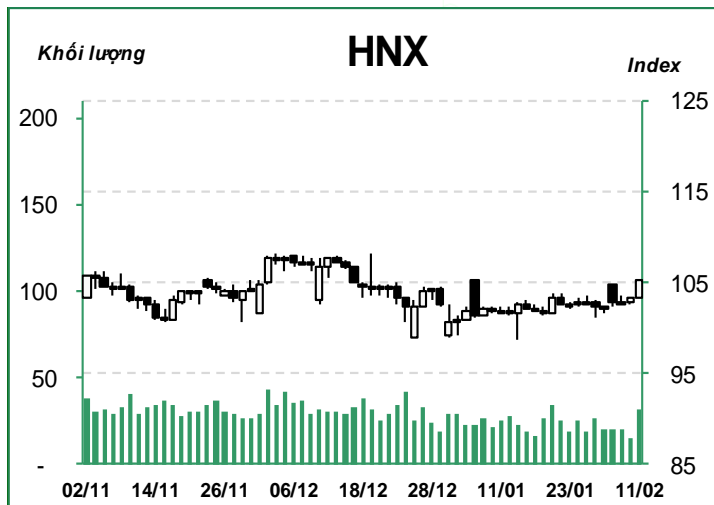
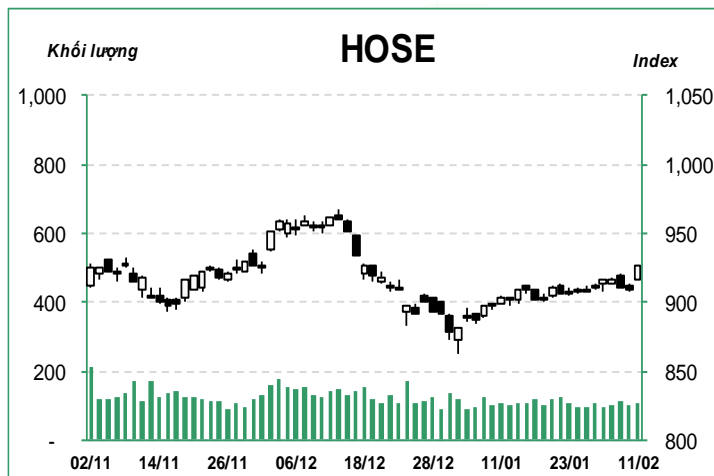


Tổng quan thị trường

11/02/2019	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	926.10	1.92%	878.67	2.19%	105.25	1.85%
Cuối tuần trước	908.67	1.92%	859.81	2.19%	103.34	1.85%
Trung bình 20 ngày	908.79	1.90%	862.44	1.88%	102.57	2.61%
Tổng KLGD (triệu cp)	124.64	-11.47%	52.66	-12.14%	32.17	109.36%
KLGD khớp lệnh	105.48	4.19%	39.94	-4.69%	31.75	108.10%
Trung bình 20 ngày	105.22	0.25%	34.72	15.03%	23.14	37.21%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	2,924.01	-24.84%	1,770.75	-18.40%	364.44	114.84%
GTGD khớp lệnh	2,302.99	-5.92%	1,391.55	-5.86%	357.92	111.78%
Trung bình 20 ngày	2,024.20	44.45%	1,095.54	61.63%	286.86	27.05%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	214	62%	25	83%	97	26%
Số mã giảm	93	27%	3	10%	43	11%
Số mã đứng giá	38	11%	2	7%	238	63%



Thị trường hưng phấn khi VN-Index tăng 1.92% còn HNX-Index tăng 1.85% trong phiên giao dịch đầu năm Kỷ Hợi 2019 với lực đẩy chính từ cổ phiếu VIC và nhóm cổ phiếu ngân hàng. Dù vậy, giao dịch khối ngoại không còn duy trì sự tích cực như những phiên trước.

Ở sàn HOSE, VN-Index bật tăng mạnh kể từ đầu phiên giao dịch, đà tăng nới rộng theo thời gian và chỉ số đóng cửa vượt mốc 920 điểm tại mức 926.10 điểm (+1.92%). Thanh khoản cải thiện nhẹ so với phiên giao dịch trước kỳ nghỉ Tết với KLGD khớp lệnh đạt 105.5 triệu cổ phiếu (+4.2%), tương đương 2,303 tỷ đồng giá trị (-5.9%).

Động lực tăng điểm chính đến từ đà tăng của cổ phiếu bất động sản gồm VIC (+5.3%), VRE (+1.4%), NVL (+1.4%), DXG (+6.0%). Đáng chú ý là VIC tăng mạnh bù cho phiên lao dốc trước kỳ nghỉ Tết, nguyên nhân đến từ KQKD tích cực. Theo đó, doanh thu hợp nhất năm 2018 tăng 37% so với cùng kỳ năm trước và ghi nhận mức kỷ lục trên 100,000 tỷ đồng. Thêm nữa, trong cơ cấu doanh thu có 578 tỷ đồng đóng góp từ mảng sản xuất, nhiều khả năng mảng kinh doanh mới là xe máy điện VinFast và điện thoại VinSmart đã bắt đầu ghi nhận doanh thu. Cùng với nhóm BĐS là cổ phiếu ngành ngân hàng VCB (+2.8%), CTG (+3.0%), VPB (+5.7%), STB (+4.4%) và thực phẩm VNM (+1.5%), MSN (+2.3%) đẩy chỉ số tăng điểm. Sắc xanh cũng bao phủ ở nhóm ngành chứng khoán với các mã đầu ngành như HCM (+6.9%), VND (+5.0%), SSI (+3.1%) tăng mạnh. Nhóm xây dựng cũng hòa vào sự hưng phấn chung với CTD tăng 2.2% còn HBC bất ngờ tăng trần với thanh khoản tăng lên mức cao nhất trong một tháng qua.

Mặc dù giao dịch thị trường hưng phấn nhưng khối ngoại thu hẹp đà mua ròng trên sàn HOSE với giá trị mua ròng còn 10.2 tỷ đồng (-93.8%). Lực mua tập trung ở các mã STB (+26.1 tỷ), VCB (+23.7 tỷ), HPG (+21.4 tỷ) trong khi ở chiều ngược lại,

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VRE	6,247.0	183.16
GEX	3,538.0	77.54
HPG	1,600.0	44.09
TCB	1,530.0	41.66
GMD	1,185.0	30.81
SBT	915.0	18.30
VHM	200.0	16.00
MSN	170.0	13.81
HMC	825.3	13.73
VNM	77.5	10.61
HNX		
MKV	320.0	4.80
DNP	83.7	1.26
ACB	15.8	0.47
VC1	0.1	0.00

VHM (-23.3 tỷ), GAS (-17.8 tỷ), HDB (-8.6 tỷ) bị bán ra nhiều nhất.

Tương tự như VN-Index, HNX-Index cũng bật tăng mạnh dưới sự dẫn dắt chính của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng và các cổ phiếu trụ cột trên sàn, chốt phiên, HNX-Index đóng cửa tại mức 105.25 điểm (+1.85%). Đà tăng thuyết phục hơn đi kèm dấu hiệu cải thiện của thanh khoản với KLGD khớp lệnh đạt 31.8 triệu cổ phiếu (+108.1%), tương đương 357.9 tỷ đồng giá trị (+111.8%).

Bên cạnh sự hỗ trợ từ cổ phiếu ngân hàng gồm ACB (+2.4%), SHB (+5.6%) và NVB (+2.4%), các cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn gồm VGC (+3.0%), VCS (+1.1%), VCG (+0.8%) đóng góp chính cho đà tăng của chỉ số. Trong đó, VGC tiếp tục đà tăng kể từ tháng 11/2018 đến nay nhờ kế hoạch chuyển niêm yết từ HNX sang HOSE trong quý 1/2019 cũng như kế hoạch thoái vốn của Bộ Xây Dựng. Theo sau là đà tăng của các cổ phiếu dầu khí như PVS (+2.2%), PGS (+3.3%), PVC (+1.7%) cũng đã hỗ trợ cho sự bứt phá chung.

Về giao dịch khối ngoại, sau khi liên tục mua ròng xuyên suốt tuần lễ trước nghỉ Tết, khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn Hà Nội với giá trị 9.1 tỷ đồng. Lực bán tập trung ở các mã VGC (-10.2 tỷ), HUT (-2.4 tỷ), PMC (-0.9 tỷ) trong khi ở chiều ngược lại, chỉ có PVS (+5.5 tỷ) được mua với giá trị cao hơn hẳn các mã còn lại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước đó cho thấy dòng tiền có dấu hiệu tái gia nhập trở lại sau kỳ nghỉ lễ kéo dài. Không những vậy, chỉ số vượt qua ngưỡng kháng cự MA50 và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI đang đi lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 936 điểm (MA100) trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp vượt MA50 và duy trì đóng cửa trên MA20, cho tín hiệu chỉ số đã thoát khỏi trạng thái Sideway trong biên độ hẹp trước đó. Chỉ số có thể tiếp tục hướng lên ngưỡng kháng cự 106.2 điểm (MA100). Nhìn chung, xu hướng phục hồi ngắn hạn của chỉ số đang có tín hiệu mạnh lên. Do đó, duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng xu hướng hiện tại để thực hiện chiến lược lướt sóng ngắn hạn trên các cổ phiếu được hỗ trợ từ việc hưởng lợi từ các hiệp định thương mại và có triển vọng kinh doanh năm 2019 khả quan.

Thống kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
EMC	9.4	0.0	7.0%
HOT	29.3	0.0	6.9%
SCD	24.0	0.1	6.9%
HCM	48.0	501.2	6.9%
TDG	3.1	275.3	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HU3	9.5	8.8	-9.5%
L10	22.0	0.8	-7.0%
PNC	19.4	0.0	-7.0%
TTE	9.8	0.6	-7.0%
HAS	9.1	2.9	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	137.0	185.7	1.5%
MBB	22.1	93.4	0.9%
MSN	80.2	88.5	2.3%
STB	13.0	87.4	4.4%
VCB	58.1	80.5	2.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	13.0	6,861.8	4.4%
MBB	22.1	4,238.9	0.9%
FLC	5.3	3,846.3	1.4%
POW	17.0	3,752.4	2.4%
CTG	20.7	3,647.5	3.0%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVV	0.6	101.7	20.0%
DPS	0.7	263.2	16.7%
SPI	0.8	225.4	14.3%
VC1	14.3	0.2	10.0%
TJC	6.6	0.1	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACM	0.5	97.6	-16.7%
HKB	0.7	98.4	-12.5%
DCS	0.8	169.4	-11.1%
PVX	0.9	419.1	-10.0%
L62	5.6	0.5	-9.7%

Top 5 giá trị

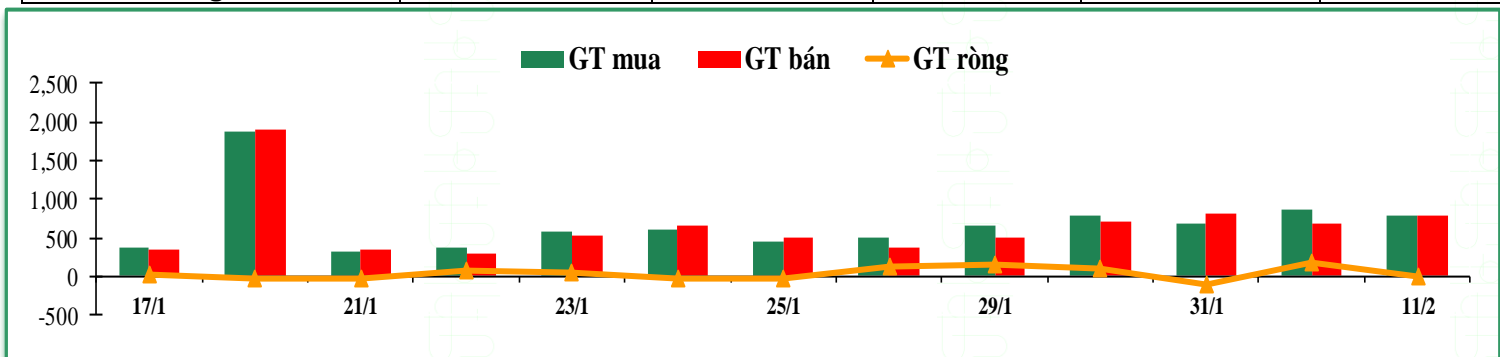
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	7.6	70.6	5.6%
ACB	30.2	51.3	2.4%
VGC	20.3	48.9	3.1%
PVS	18.9	44.0	2.2%
TNG	18.7	31.2	5.1%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	7.6	9,468.7	5.6%
HUT	3.4	2,496.4	-2.9%
VGC	20.3	2,415.9	3.1%
PVS	18.9	2,343.2	2.2%
ACB	30.2	1,713.9	2.4%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	778.6	33.8%	768.4	33.4%	10.2
HNX	6.4	1.8%	15.4	4.3%	-9.1
Tổng số	785.0		783.8		1.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	137.0	161.6	1.5%
MSN	80.2	72.2	2.3%
GEX	22.2	66.0	1.1%
HPG	28.9	52.2	5.9%
VCB	58.1	32.1	2.8%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	137.0	168.1	1.5%
GEX	22.2	68.0	1.1%
MSN	80.2	60.0	2.3%
VHM	79.9	38.5	-0.1%
VIC	104.0	34.8	5.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	13.0	26.1	4.4%
VCB	58.1	23.7	2.8%
HPG	28.9	21.4	5.9%
SSI	26.9	16.4	3.1%
MSN	80.2	12.2	2.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	18.9	5.8	2.2%
S55	24.9	0.1	1.6%
PMC	56.9	0.1	0.0%
BVS	12.0	0.1	0.0%
AMV	35.6	0.1	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VGC	20.3	10.2	3.1%
HUT	3.4	2.4	-2.9%
PMC	56.9	1.0	0.0%
PVB	15.7	0.4	2.0%
PVS	18.9	0.3	2.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	18.9	5.5	2.2%
AMV	35.6	0.1	0.0%
HMH	11.0	0.1	0.0%
DHT	40.8	0.0	3.3%
PPS	7.4	0.0	0.0%

Tin trong nước

Sau gần thập kỷ, Việt Nam tính giảm dự trữ bắt buộc cho lượng tiền lớn

Theo Quyết định 750 hồi tháng 4/2011, Ngân hàng Nhà nước giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các tổ chức tín dụng, tiền gửi VND không kỳ hạn và dưới 12 tháng từ 4% xuống 3%, kỳ hạn từ 12 tháng trở lên từ 2% xuống 1%.

Các mức quy định trên áp dụng cho đến nay, ngoại trừ lần điều chỉnh riêng đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) trong năm 2018.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ hiện áp các tỷ lệ cao hơn, tương ứng phân loại trên là 8% và 6% (riêng Agribank được áp thấp hơn 1% các loại).

Ngân hàng Nhà nước dự kiến điều chỉnh theo hướng: về đối tượng sẽ không áp dụng quy định về dự trữ bắt buộc cho một số đối tượng, gồm tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; tổ chức tín dụng chưa khai trương hoạt động; tổ chức tín dụng có quyết định thanh lý tài sản, hoặc giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động hoặc thu hồi giấy phép hoạt động của cấp có thẩm quyền.

Nhóm đối tượng trên hiện có Ngân hàng Đông Á (sau khi đặt vào diện kiểm soát đặc biệt từ năm 2015 và tiến hành tái cơ cấu), ba ngân hàng thương mại mà Ngân hàng Nhà nước mua lại giá 0 đồng.

Nhóm đối tượng này cũng được dẫn chiếu đến nhóm các ngân hàng thương mại khác được giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong chính sách dự kiến ban hành. Đó là những trường hợp tham gia hỗ trợ tái cơ cấu hệ thống.

Cụ thể, đối tượng được giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, trên cơ sở quy định tại Luật số 17/2017/QH14, tổ chức tín dụng hỗ trợ sẽ được giảm 50% tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tất cả các loại tiền gửi theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.

Ở quy định này, tổ chức tín dụng hỗ trợ là tổ chức tín dụng được chỉ định tham gia quản trị, kiểm soát, điều hành, hỗ trợ tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.

Chiếu theo quy định trên, trong những năm qua Ngân hàng Ngoại thương (Vietcombank), Ngân hàng Công thương (VietinBank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) đã lần lượt tham gia hỗ trợ tái cơ cấu tại DongA Bank, CB Bank, Ocean Bank và GP Bank, qua hỗ trợ thanh khoản, cử nhân sự quản trị điều hành, hợp tác kinh doanh... ngay khi các tổ chức này thực hiện tái cơ cấu bắt buộc.

Tuy nhiên, việc xác định cụ thể sẽ chờ chính sách từ Ngân hàng Nhà nước.

Tỷ giá USD tăng 28 đồng ngày đầu năm mới

Giá USD đã lên giá mạnh trong tuần đầu tiên của năm mới Kỷ Hợi.

Sáng 11/2, NHNN công bố tỷ giá trung tâm ở mức 22.895 đồng, tăng 28 đồng so với cuối tuần trước (22.867 đồng). Đây là động thái phù hợp của cơ quan này sau một tuần đồng USD lên giá đáng kể.

Với biên độ +/- 3%, tỷ giá được phép giao dịch trong khoảng 22.208 - 23.582 đồng. Trần tỷ giá hiện sát mốc 23.600 đồng. Trong khi đó, tỷ giá tại các ngân hàng dù nhích nhẹ thêm 5 đồng sáng nay vẫn giữ khoảng cách an toàn với trần quy định.

Tại các ngân hàng có vốn nhà nước, tỷ giá phổ biến ở mức 23.155 đồng chiều mua vào và 23.245 đồng chiều bán ra. Trong khi giá USD tại các ngân hàng cổ phần tư nhân bán ra nhỉnh hơn (23.500 đồng). Chênh lệch giá mua bán là 80 đồng.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vietnam Airlines đạt 3.240 tỷ đồng LNTT, vượt xa ước tính và kế hoạch năm

Biến động của tỷ giá đã tác động khá lớn đến kết quả kinh doanh 2018 của Vietnam Airlines.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Vietnam Airlines (HVN) vừa công bố kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 với doanh thu thuần đạt 96.800 tỷ đồng, tăng gần 17% so với năm trước.

Lợi nhuận trước thuế đạt 3.240 tỷ đồng, vượt 34% so với kế hoạch năm là 2.421 tỷ đồng. Kết quả này cũng cao hơn hẳn so với con số ước tính 2.800 tỷ đồng công bố hồi đầu năm.

So với năm 2017, lãi trước thuế của Vietnam Airlines tăng 3% tuy nhiên LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ lại giảm 4% xuống 2.282 tỷ đồng.

Biến động của tỷ giá đã tác động khá lớn đến kết quả kinh doanh 2018 của Vietnam Airlines: Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng thêm 1.030 tỷ lên 1.476 tỷ đồng trong khi lãi chênh lệch tỷ giá chỉ tăng 70 tỷ lên 654 tỷ đồng.

Tại thời điểm cuối năm 2018, Vietnam Airlines đang vay nợ hơn 38.000 tỷ đồng, giảm 9.000 tỷ so với một năm trước.

Trong năm 2018, Vietnam Airlines ghi nhận khoản lãi 577 tỷ đồng từ hoạt động bán cho thuê lại máy bay, giảm 25% so với năm trước.

Mới đây Vietnam Airlines đã nộp hồ sơ chuyển niêm yết từ UPCoM sang HoSE. Từ đầu năm 2019 đến nay, cổ phiếu HVN đã có đợt phục hồi mạnh tăng từ 32.000 lên 39.000 đồng sau đợt sụt giảm mạnh hồi tháng 10-11/2018.

Hà Đô lãi ròng năm 2018 gấp 3 lần năm trước

Lợi nhuận trước thuế quý IV tăng 1,3 lần giúp Hà Đô vượt 7% kế hoạch năm.

Theo BCTC hợp nhất quý IV, CTCP Tập đoàn Hà Đô (HOSE: HDG) ghi nhận doanh thu thuần 1.858 tỷ đồng, cao hơn 51% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp tăng 80% lên 782,6 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng trong kỳ giảm 71% xuống 24,7 tỷ đồng, trong khi chi phí quản lý gấp 2 lần ở mức 73,8 tỷ đồng.

Kết thúc quý IV, Hà Đô lãi trước thuế 686 tỷ đồng, cao hơn 133% so với cùng kỳ 2017. Lãi ròng đạt 468,3 tỷ đồng, tăng 34%.

Lũy kế 2018, Hà Đô ghi nhận doanh thu thuần 3.203 tỷ đồng, tăng 39% và tương đương 74% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 910 tỷ đồng, tăng 1,8 lần, vượt 7% chỉ tiêu. Lãi ròng hơn 607 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ.

Tổng tài sản của Hà Đô đến cuối năm 2018 ở mức 10.902 tỷ đồng, tăng 30%. Tài sản ngắn hạn chiếm 62%, chủ yếu là hàng tồn kho và phải thu ngắn hạn lần lượt 3.756 tỷ đồng và 2.129 tỷ đồng.

Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB): Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital (JAMBF) đã mua 2,8 triệu cổ phiếu trên tổng số đăng ký 3 triệu cổ phiếu từ ngày 4/1 đến 30/1. Hiện JAMBF nắm giữ hơn 2,8 triệu cổ phiếu, tương đương 0,13%.

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (Mã: MWG): Quỹ Dragon Capital mua 1,68 triệu cổ phiếu trong ngày 1/2. Hiện quỹ này có 12,12% vốn MWG, tương đương hơn 53,7 triệu cổ phiếu.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	VSC	Mua	12/2/2019	43.0	43.0	0.0%	46.0	7.0%	41.8	-2.8%	Động lực phục hồi đang gia tăng
2	FCN	Mua	12/2/2019	14.1	14.1	0.0%	15.5	9.9%	13.5	-4.3%	Đường giá đã hoàn thành tích lũy

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Lý Do
1	FPT	Mua	16/1/2019	44.15	42.80	3.2%	45.1	5%	41.9	-2%	
2	KBC	Mua	17/1/2019	14.50	14.10	2.8%	15.5	10%	13.4	-5%	
3	HDB	Mua	22/1/2019	30.65	29.65	3.4%	32.0	8%	29.0	-2%	
4	VPB	Mua	22/1/2019	21.20	20.00	6.0%	22.5	13%	19.0	-5%	
5	DGW	Mua	22/1/2019	24.00	23.30	3.0%	25.2	8%	22.4	-4%	
6	PVT	Mua	24/1/2019	17.40	16.55	5.1%	18.0	9%	16.1	-3%	
7	PVD	Mua	25/1/2019	16.65	15.85	5.0%	17.5	10%	15.1	-5%	
8	POW	Mua	29/1/2019	16.95	15.75	7.6%	16.8	7%	15.2	-3%	
9	VCB	Mua	30/1/2019	58.10	56.70	2.5%	60.0	6%	55.0	-3%	
10	HVN	Mua	31/1/2019	39.80	38.60	3.1%	42.2	9%	36.8	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2018/19E (tỷ)	EPS 2018/19E	BV 2018/19E	ROE 2018/19E	ROA 2018/19E	PE 2018/19E	PB 2018/19E	Cổ tức dự kiến**
CTD (New)	HOSE	135,300	157,632	25/01/2019	1,608	21,302	117,140	19%	9%	7.4	1.3	50%
BMP (New)	HOSE	46,200	75,200	09/01/2019	499	6,090	33,553	19%	16%	12.4	2.2	40%
CTI (New)	HOSE	25,300	30,370	24/12/2018	139	1,789	23,470	10%	3%	16.9	1.3	10%
QNS (New)	HOSE	42,400	47,753	21/12/2018	1,097	3,751	16,965	23%	15%	12.7	2.8	15%
ANV	HOSE	28,050	42,824	12/12/2018	588	3,890	14,795	38%	18%	12.0	2.9	20%
LHG	HOSE	18,650	27,200	05/12/2018	182	3,643	23,964	16%	9%	7.5	1.1	15%
GIL	HOSE	38,650	47,122	04/12/2018	176	9,237	38,783	27%	11%	5.1	1.2	30%
NTC	UPCOM	92,000	91,800	04/12/2018	440	27,497	34,719	94%	14%	7.1	3.2	60%
ACB	HNX	30,200	37,400	29/11/2018	5,349	4,289	17,477	28%	2%	8.7	2.1	15%
DVP	HOSE	40,700	66,000	28/11/2018	326	6,879	28,359	26%	23%	9.6	2.3	45%
HVN	UPCOM	39,800	36,000	14/11/2018	2,145	1,512	13,897	12%	2%	21.8	2.4	8%
KDH	HOSE	30,200	32,900	14/11/2018	671	1,736	15,050	11%	7%	18.9	2.1	5%
TNG	HNX	18,700	22,705	05/11/2018	175	3,548	15,909	25%	7%	6.4	1.4	20%
TCM	HOSE	28,400	29,986	05/11/2018	241	4,436	32,810	21%	7%	6.8	0.9	10%
VJC	HOSE	125,900	104,300	05/11/2018	5,810	10,727	42,703	46%	18%	12.5	3.9	40%
FPT	HOSE	44,150	57,500	17/10/2018	3,533	5,124	19,748	28%	14%	10.0	2.9	25%
REE	HOSE	34,600	44,300	15/10/2018	1,609	5,190	29,499	19%	11%	7.7	1.3	16%
TCB	HOSE	27,050	33,200	11/10/2018	7,894	2,258	15,417	20%	3%	14.7	2.2	N/A
MWG	HOSE	84,600	142,833	10/10/2018	2,962	9,166	56,429	47%	11%	15.6	2.5	15%
VNM	HOSE	137,000	160,172	27/09/2018	11,192	6,427	20,487	44%	31%	24.9	7.8	50%
VCB	HOSE	58,100	67,701	26/09/2018	13,859	3,852	18,162	23%	1%	16.7	3.6	108%
HPG	HOSE	28,900	46,600	18/09/2018	9,172	4,318	18,520	26%	15%	10.8	2.5	N/A

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.